

## MỐI QUAN HỆ “TIỀN - THOÁI” GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC ASEAN-4

Ngày nhận bài: 17/10/2014

Ngày nhận lại: 13/03/2015

Ngày duyệt đăng: 26/03/2015

Lâm Trí Dũng<sup>1</sup>

Lê Sĩ Trí<sup>2</sup>

Trần Nha Ghi<sup>3</sup>

### TÓM TẮT

*Một đặc trưng trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển hiện nay, đặc biệt là theo mô hình các nước Đông Á, là sự thay đổi không ngừng trong cơ cấu hàng xuất khẩu, từ các sản phẩm tiêu tốn đầu vào chủ yếu là tài nguyên và lao động sang các sản phẩm có hàm lượng cao về vốn, kỹ thuật và công nghệ. Bài viết này nghiên cứu vị thế của Việt Nam trong mối tương quan với các nước ASEAN-4 thông qua phân tích tốc độ tăng trưởng của GDP bình quân đầu người trong giai đoạn 1985-2013, nhằm trả lời câu hỏi liệu Việt Nam đang theo kịp xu thế trên hay bị thụt lùi đằng sau. Hay nói cách khác, bài viết đi sâu nghiên cứu mối quan hệ “tiền - thoái” giữa Việt Nam và các nước ASEAN-4. Đặc biệt, bài viết sẽ chỉ ra trong khoảng bao lâu nữa thì thu nhập thực tế bình quân đầu người của Việt Nam có thể đuổi kịp mức của các nước ASEAN-4, và khoảng bao lâu nữa thì sẽ không còn khoảng cách giữa thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam với các nước ASEAN-4.*

**Từ khóa:** tốc độ tăng GDP bình quân đầu người, Việt Nam và ASEAN-4.

### ABSTRACT

*There is a common view that one feature of development, especially in the East Asian model, is a progressive structural change in exports from resource and labour intensive products to those, which are more intensive in terms of capital, skill and technology. This paper investigates the position of Vietnam in relation to the ASEAN-4 to see whether Vietnam has been moving on or falling behind these countries by using the GDP per capita growth rates for the period 1985-2013. In other words, it investigates the lead-lag relationship between Vietnam and the ASEAN-4; specifically, it will find out how long it would take for Vietnam to reach the ASEAN-4's real per capita income; and how many years it would take for Vietnam's per capita income gap to be eliminated against the ASEAN-4.*

**Keywords:** GDP per capita growth rate, Vietnam and ASEAN-4.

### 1. Dẫn nhập

Trong khối ASEAN-5, Việt Nam là nước gia nhập sau cùng và đã phải liên tục cố gắng để bắt kịp các nước khác trong khối kể từ sau “Đổi Mới năm 1986”. Bài viết này nghiên cứu mối quan hệ “tiền - thoái” giữa Việt Nam và các nước ASEAN-4 (sau đây gọi tắt là ASEAN-4). Đặc biệt, bài viết sẽ chỉ ra trong khoảng bao lâu nữa thì thu nhập thực tế bình

quân đầu người của Việt Nam có thể đuổi kịp mức của ASEAN-4 trong năm 2006, và khoảng bao lâu nữa thì thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam sẽ ngang bằng với ASEAN-4.

Bài viết có kết cấu như sau: Phần 1 Dẫn nhập; Phần 2 giới thiệu sơ lược về các nước công nghiệp mới (NIC); Phần 3 thảo luận về mối quan hệ “tiền - thoái” giữa Việt Nam và ASEAN-4 thông qua phân tích GDP bình quân

<sup>1</sup> PGS. TS, Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

<sup>2</sup> TS, Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu. Email: lesitri1702@gmail.com

<sup>3</sup> ThS, Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

đầu người (sau đây gọi tắt là GDP đầu người, cũng gọi là thu nhập bình quân đầu người) của các nước trong giai đoạn 1985 - 2013. Đặc biệt, phần 4 sẽ dùng số liệu thống kê trong giai đoạn từ 2007 - 2013 để kiểm chứng kết quả tìm thấy trong phần 3 và cũng để xác định tính khả thi của mục tiêu trở thành một nước công nghiệp mới của Việt Nam; Phần 5 là kết luận của bài viết.

## 2. Các nước công nghiệp mới

Nước công nghiệp mới (Newly Industrialized Country - NIC) là từ ngữ kinh tế-xã hội sử dụng bởi các nhà kinh tế, lý luận chính trị để chỉ một quốc gia mới công nghiệp hóa trên thế giới. Các nước công nghiệp mới (NIC) có tốc độ tăng trưởng cao (thường là hướng về xuất khẩu). Quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng là một chỉ số quan trọng để trở thành một nước công nghiệp mới.

Các NIC thường mang đặc điểm chung là:

Quyền dân sự và tự do xã hội được cải thiện;

Kinh tế chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực chế tạo;

Nền kinh tế thị trường ngày càng mở, cho phép tự do thương mại với các nước trên toàn thế giới;

Các tập đoàn quốc gia lớn bành trướng hoạt động ra toàn cầu;

Hấp thu luồng đầu tư tư bản dồi dào từ nước ngoài;

Lãnh đạo chính trị mang lại ảnh hưởng lớn đến sự thúc đẩy kinh tế.

Các nước công nghiệp mới ở ASEAN-4 hiện nay là:

Tên nước	GDP (PPP)	GDP (PPP) trên đầu người (đô la quốc tế) (2012)	Chỉ số phát triển con người (HDI) (2013)
	(Tỷ USD) (2011)		
Indonesia	1.223.488	4.956	0,629 (trung bình)
Malaysia	447,595	16.942	0,769 (cao)
Philippines	424,355	4.264	0.654 (trung bình)
Thailand	622,914	10.823	0,690 (trung bình)

Nguồn: <http://vi.wikipedia.org>

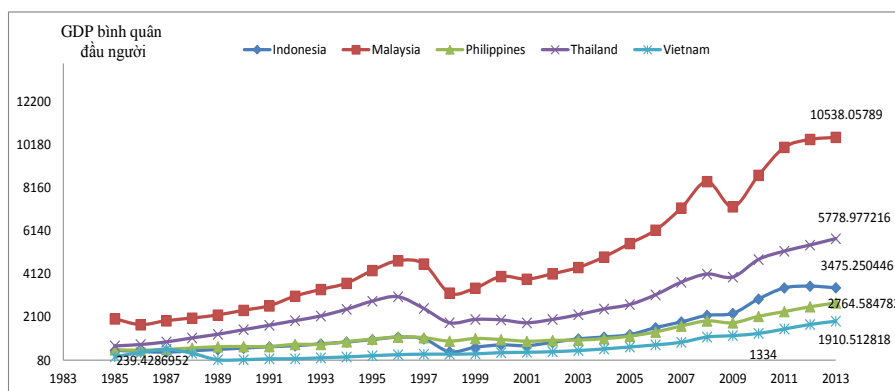
## 3. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu so sánh GDP bình quân đầu người

Phương pháp được sử dụng trong bài viết là so sánh GDP đầu người của Việt Nam với ASEAN-4, từ đó xác định khoảng cách phát triển giữa Việt Nam và các nước kia phải mất thời gian là bao lâu? Và liệu có phải các nước giàu thì ngày càng giàu hơn và các nước nghèo thì ngày càng nghèo hơn? Dựa vào diễn biến trong tốc độ tăng của thu nhập bình quân đầu người trong giai đoạn 1985-2013 của Việt Nam và ASEAN-4, phần này sẽ nghiên cứu để trả lời hai câu hỏi trên.

Trong khối ASEAN-5<sup>(4)</sup>, Malaysia là nước giàu nhất với GDP đầu người đạt mức 10.538 USD trong năm 2013. Thailand đứng thứ hai với 5.779 USD, Philippines bằng một nửa của Thailand, ở mức 2.765 USD. Indonesia đứng thứ ba, ở mức 3.475 USD và Việt Nam chỉ khiêm tốn ở mức 1.911 USD, đây là mức tăng gấp 8 lần trong vòng 28 năm với tốc độ tăng của GDP đầu người trung bình hàng năm là 7.7%<sup>(5)</sup>. Đồ thị 1 cho thấy diễn biến của GDP đầu người trong giai đoạn 1985-2013 của các nước ASEAN-5. Thu nhập thực tế bình quân đầu người của Việt Nam vượt mức 995 USD trong năm 2010, tăng gấp 8 lần sau 28 năm kể từ năm 1985.

<sup>(4)</sup> Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand và Việt Nam

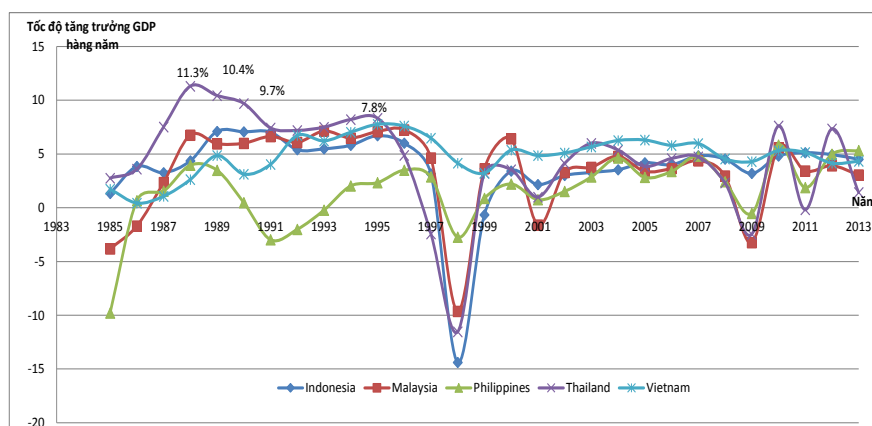
<sup>(5)</sup> Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm bằng  $\frac{1}{t} = \sqrt[n]{\frac{GDP_{2013}}{GDP_{1985}}} - 1 = \sqrt[28]{\frac{1911}{239}} - 1 \approx 7.7\%$

**Đồ thị 1. GDP bình quân đầu người của ASEAN-5 tính bằng USD giai đoạn 1985-2013**

Nguồn: Dữ liệu tính toán của tác giả từ data.worldbank.org

Nếu ở Đồ thị 1, đường GDP đầu người của Việt Nam luôn ở vị trí thấp nhất so với ASEAN-4 trong suốt giai đoạn nghiên cứu thì ở Đồ thị 2 cho thấy tốc độ tăng của GDP đầu người Việt Nam liên tục tăng mạnh từ 0% trong năm 1986 lên mức cao nhất 7,8% năm

1995, và liên tục duy trì ở mức cao hơn so với tốc độ tăng của ASEAN-4 trong những năm sau đó (trừ một số năm trên đồ thị 2 thì tốc độ tăng GDP đầu người của Việt Nam thấp hơn so với ASEAN-4).

**Đồ thị 2. Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của ASEAN-5 (%), 1985-2013**

Nguồn: Dữ liệu tính toán của tác giả từ data.worldbank.org

Ngược lại với Việt Nam, tốc độ tăng GDP đầu người của Thailand tương đối cao từ những năm đầu của giai đoạn nghiên cứu, đặc biệt trong suốt thập niên tăng trưởng xuất khẩu

mạnh mẽ của Thailand từ giữa 1985 đến giữa 1995, trong thời kỳ này tốc độ tăng GDP đầu người của Thailand trung bình hàng năm đạt 7,7%. Tại một số thời điểm, cụ thể là trong các

năm 1988, 1989 và 1990, GDP đầu người của Thailand tăng với tốc độ khá ấn tượng, tương ứng ở mức 11.3%, 10.4% và 9.7%.

Có một điểm rất đáng lưu ý rằng, trong giai đoạn 1985 - 2013, tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của Thailand và Việt Nam ở mức cao nhất 7.8% năm 1995 so với các nước còn lại, Philippines và Indonesia chỉ tăng tương ứng là 1,1% và 3,5%.

Để trả lời cho hai câu hỏi nghiên cứu được đề cập ở trên, tác giả sử dụng hàm tài chính phổ biến sau:

$$S = P(1 + r)^n \quad [1]$$

[Nguồn: Eugene F. Brigham và Joel F. Houston, *Finance Management (1979)*]

trong đó,  $P$  là (số tiền gốc) vốn đầu tư,  $S$  là tổng số tiền nhận được khi số tiền vốn tăng trưởng bình quân hàng năm với lãi suất  $r$  sau  $n$  năm. Giả sử:

$Y_A$  = GDP đầu người của ASEAN-4 trong năm 2006;

$Y_V$  = GDP đầu người của Việt Nam trong năm 2006;

$r_A$  = tốc độ tăng GDP đầu người của ASEAN-4 trong giai đoạn 2000 - 2006;

$r_V$  = tốc độ tăng GDP đầu người của Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2006.

Phương trình [1] trở thành:

$$Y_A = Y_V(1 + r_V)^n \quad [2]$$

trong đó:

$$n = \frac{\log \frac{Y_A}{Y_V}}{\log(1 + r_V)} \quad [3]$$

$n$  là số năm mà Việt Nam cần để đạt thu nhập bình quân đầu người tương đương ASEAN-4 trong năm 2006. Tuy nhiên, chúng ta luôn sống trong một thế giới động chứ không tĩnh. Trong khi kinh tế Việt Nam tăng trưởng thì các nền kinh tế khác cũng không ngừng phát triển. Do đó, để bắt kịp các nước khác, số năm Việt Nam cần có phải lớn hơn nhiều so với  $n$ , và điều này hoàn toàn phụ

thuộc vào tốc độ tăng GDP đầu người của Việt Nam và các nước kia. Mặt khác, nếu khoảng cách GDP đầu người giữa Việt Nam và ASEAN-4 được loại bỏ hay nói cách khác ngang bằng nhau thì phương trình [3] trở thành:

$$Y_A(1 + r_A) = Y_V(1 + r_V)^n \quad [4]$$

Từ [4], chúng ta có thể tìm được khoảng thời gian mà Việt Nam cần ( $n$ ) để bắt kịp với thu nhập bình quân đầu người của ASEAN-4, miễn là tốc độ tăng GDP đầu người của Việt Nam cao hơn của ASEAN-4; nếu không thì chênh lệch về thu nhập giữa Việt Nam và ASEAN-4 sẽ không bao giờ được xóa bỏ. Chắc chắn rằng một biến ngoại sinh khác có ảnh hưởng quan trọng không kém đến sự chênh lệch này là tốc độ tăng trưởng dân số của mỗi nước, biến này có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với thu nhập bình quân đầu người. Do đó, để nghiên cứu này có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy thì các biến khác (không đưa vào mô hình, ví dụ tốc độ tăng trưởng dân số) phải được giả thiết là không thay đổi.

Để giải thích “tiến trình bắt kịp”, nhiều nhà kinh tế học cho rằng, các nền kinh tế kém phát triển có tiềm năng tăng trưởng mạnh hơn so với các nước phát triển bởi vì những nước này có thể nhanh chóng lắp đặt những thiết bị sản xuất cập nhật nhất, và lựa chọn những công nghệ sản xuất và tổ chức mới nhất. Một nước đi sau có cơ hội thừa hưởng những tiến bộ về công nghệ giúp làm giảm nhanh hơn khoảng cách về năng suất lao động với các nước phát triển. Nhiều người cho rằng sự lãnh đạo đúng đắn và một chính phủ vững mạnh cũng sẽ tạo ra môi trường thực sự cần thiết cho các nền kinh tế kém phát triển bắt đầu tiến trình “bắt kịp” của nó để trở thành một nước phát triển.

Phương trình [4] trở thành:

$$n = \frac{\log \frac{Y_A}{Y_V}}{\log(1 + r_V) - \log(1 + r_A)} \quad [5]$$

Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước ASEAN-5 được tính dựa trên tốc độ tăng trung bình năm của GDP đầu người trong giai đoạn

2000-2006 và được giả sử là không đổi trong dài hạn. Bảng 1 cho thấy GDP đầu người của ASEAN-5 trong năm 2006 theo giá so sánh

2000 và tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2000-2006.

**Bảng 1. GDP bình quân đầu người năm 2006 và tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của các nước ASEAN-5 giai đoạn 2000-2006 (%)**

	<b>GDP bình quân đầu người 2006</b> (giá so sánh 2000) (USD)	Tốc độ tăng GDP đầu người trung bình giai đoạn 2000-2006 (%)
<b>Indonesia</b>	983	3.5
Malaysia	4,535	2.6
Philippines	1,154	2.5
Thailand	2,601	4.3
Việt Nam	576	6.2

*Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2006), GDP bình quân đầu người 2006*

Kết quả được đưa ra trong Bảng 2 dưới đây. Xét về GDP đầu người, để có mức thu nhập bình quân đầu người tương đương như Indonesia năm 2006 thì Việt Nam cần 9 năm, như Philippines cần 12 năm, như Thailand và

Malaysia cần lần lượt là 25 năm và 34 năm. Nói cách khác, GDP đầu người của Việt Nam - tính theo giá năm 2000 - sẽ đạt mức 983 USD trong năm 2015; 1.154 USD năm 2018; 2.601 USD năm 2031 và 4.535 USD năm 2040.

**Bảng 2. Số năm Việt Nam cần để đạt tới mức GDP bình quân đầu người như của ASEAN-4 trong năm 2006 và có mức thu nhập tương đương các nước này**

	Số năm Việt Nam cần để đạt tới mức GDP bình quân đầu người như của các nước trong năm 2006(*)	Số năm Việt Nam cần để có mức GDP bình quân đầu người tương đương các nước (**)
Indonesia	9	21
Malaysia	34	60
Philippines	12	20
Thailand	25	84

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Ngân hàng Thế giới*

Trong đó:

(\*) là số năm Việt Nam cần để đạt tới mức GDP đầu người như của các nước ASEAN -4 trong năm 2006 được áp dụng từ công thức [4]. Chẳng hạn, số năm Việt Nam đạt mức GDP bình quân đầu người bằng với quốc gia Indonesia trong năm 2006 là:

$$n = \frac{\log \frac{Y_A}{Y_V}}{\log(1+r_v)} = \frac{\log \frac{983}{576}}{\log(1+6.2\%)} \approx 9 \text{ năm}$$

(\*\*) là số năm Việt Nam cần để có GDP bình quân đầu người tương đương với các nước ASEAN - 4 trong năm 2006 được áp dụng từ công thức số [5]. Chẳng hạn, số năm

Việt Nam có GDP bình quân đầu người tương đương với nước Indonesia là:

$$n = \frac{\log \frac{Y_A}{Y_V}}{\log(1+r_V) - \log(1+r_A)} = \frac{\log \frac{983}{576}}{\log(1+6.2\%) - \log(1+3.5\%)} \approx 21 \text{ năm}$$

Phân tích trên cũng cho thấy rằng, trong ASEAN-4, Malaysia là nước đi đầu trong quá trình phát triển kinh tế hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển, 30 năm trước Thailand và 55 năm trước Philippines; thì Indonesia lại là nước đứng sau cùng, chậm 5 năm so với Philippines. Tuy nhiên, với giả thiết được đưa ra ở trên là tốc độ tăng của thu nhập bình quân đầu người và dân số là không đổi trong dài hạn thì Thailand sẽ vượt Malaysia, đứng vị trí dẫn đầu từ năm 2040. Điều này là do tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của Thailand ở mức 1,7% cao hơn so với của Malaysia.

Để đạt được mức thu nhập bình quân đầu người tương đương như ASEAN-4, Bảng 2 chỉ ra rằng Việt Nam cần thời gian tương ứng là 21 năm, 60 năm, 20 năm và 84 năm để bắt kịp Indonesia, Malaysia, Philippines và Thailand.

**Bảng 3. Tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người Việt Nam, 2007 - 2013**

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Bình quân
Tăng trưởng GDP (%)	7,13	5,66	5,40	6,42	6,24	5,25	5,42	5,93
Tăng trưởng GDP đầu người (%)	5,97	4,54	4,29	5,31	5,14	4,14	4,32	4,82

*Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2013), tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người VN*

Như vậy, tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua 2007 - 2013 chỉ đạt ở mức 4,82% dưới mức yêu cầu là 6,2% để Việt Nam có thể đạt

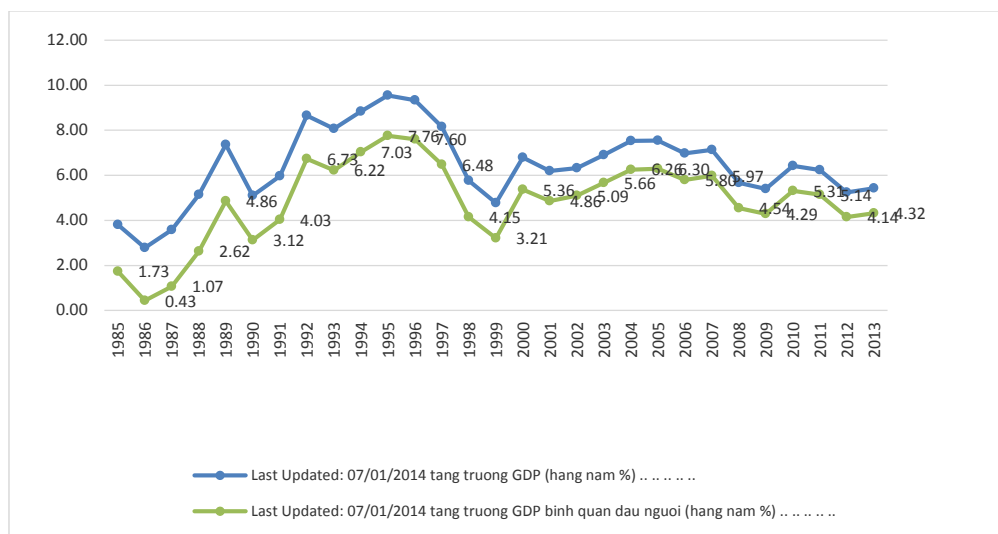
Mục tiêu đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp mới đến năm 2020<sup>(4)</sup> chỉ khả thi nếu những chỉ số phát triển chính của Việt Nam (GDP, GDP đầu người) trong giai đoạn 2000 - 2006 sẽ được duy trì liên tục cho đến 2020. Và nếu những chỉ số này ở mức cao hơn thì thời gian Việt Nam đạt được mục tiêu của mình sẽ càng rút ngắn hơn. Ngược lại, mục tiêu nói trên sẽ không còn mang tính khả thi nếu các chỉ số này không được duy trì liên tục hoặc đi xuống.

#### 4. Kiểm chứng

Đồ thị 3 bên dưới cho thấy tăng trưởng (%) GDP và GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong khoảng thời gian từ 1985 đến 2013. Đặc biệt tác giả chú trọng đến tỷ lệ tăng trưởng trong giai đoạn từ 2007 đến 2013 để kiểm chứng xem tỷ lệ tăng trưởng bình quân đầu người của Việt Nam có giữ được ở mức trung bình 6,2% là điều kiện cần và đủ để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp mới vào năm 2020. Số liệu thống kê từ World Bank trong Bảng 3 cho thấy:

ngang bằng GDP bình quân đầu người của Philippines vào năm 2006. Và xin nhắc lại Philippines được công nhận là quốc gia công nghiệp mới vào năm 2007.

(6) Văn kiện đại hội IX (2001) cho rằng “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”

**Đồ thị 3. Tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người Việt Nam, 1985 - 2013**

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2013), tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người VN

**5. Kết luận**

Như đã đề cập đến ở trên, một đặc trưng trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển hiện nay, đặc biệt là theo mô hình các nước Đông Á, là sự thay đổi không ngừng trong cơ cấu hàng xuất khẩu, từ các sản phẩm tiêu tốn đầu vào chủ yếu là tài nguyên và lao động sang các sản phẩm có hàm lượng cao về vốn, kỹ thuật và công nghệ.

Một trong những mục tiêu được khẳng định một lần nữa (Thông báo của Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X ngày 28/03/2010) là Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp mới trong năm 2020. Đây là mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 -2020. Mặc dù không có những tiêu chuẩn rõ ràng để đạt được mục tiêu đó, nhưng một cách tổng quát phải có việc chuyển nền kinh tế từ dựa vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu sang nền sản xuất công nghiệp và việc đạt được tiêu chuẩn tối thiểu về GDP đầu người.

Trước thực tế rõ ràng rằng cả Thailand và Philippines đều đã được công nhận là nước công nghiệp mới vào năm 2007, những đặc điểm của nền kinh tế Philippines (là nước nghèo hơn so với Thailand), nhất là GDP bình quân đầu người, có thể được coi là những điều

kiện tối thiểu để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp mới trong tương lai. Trong năm 2006, GDP đầu người của Philippines đạt mức 1.154 USD (theo giá so sánh 2000).

Do đó, Việt Nam cần duy trì mức tăng trưởng GDP đầu người trung bình 6,2% /năm của giai đoạn 2000 - 2006 đến năm 2020. Nếu làm được điều này, mục tiêu cơ bản trở thành một nước công nghiệp mới vào năm 2020 của Việt Nam chắc chắn sẽ đạt được. Nhưng đáng tiếc là thống kê của World Bank cho thấy trong giai đoạn vừa qua, từ 2007 đến 2013, mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Việt Nam chỉ đạt ở mức 4,82%, điều đó có nghĩa là mục tiêu cơ bản trở thành một nước công nghiệp mới vào năm 2020 của Việt Nam vẫn hãy còn rất xa vời. Kết luận của tác giả đồng quan điểm với nhóm tác giả: Đỗ Đức Định (2004); Đinh Văn Ân (2007); Đỗ Quốc Sam (2007). Nhóm tác giả trên đã đề xuất một bộ chỉ tiêu để xác định một nước công nghiệp hóa, nhìn chung kết luận của các tác giả đều cho rằng Việt Nam khó trở thành một nước công nghiệp hiện đại vào năm 2020. Ngoại trừ trong giai đoạn còn lại, từ 2015 đến 2020, có sự đột biến bất ngờ trong mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Việt Nam phải rất cao, vượt mức 6,2%.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Eugene F. Brigham và Joel F. Houston, *Finance Management*, 1979.

Ngân hàng thế giới (2006). *World Bank Database on GDP and GDP per capita, 2000 - 2013*.

Tri Dung Lam, *ASEAN-5 Trade and Growth: With Special Reference to Vietnam after Doimoi*, Lambert Academic Publishing in Germany, 2006.

Đỗ Đức Định (2004). *Kinh tế học phát triển về công nghiệp hóa và cải cách nền kinh tế*.

Đình Văn Ân (2007). *Cải cách hành chính phục vụ việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Đỗ Quốc Sam (2007). *Chương trình cải cách hành chính: Thực trạng và vấn đề đặt ra*.

Văn kiện đại hội IX (2001) cho rằng “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Thông báo của Hội nghị lần 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X ngày 28/03/2010.

<http://data.worldbank.org/country/thailand>

<http://data.worldbank.org/country/indonesia>

<http://data.worldbank.org/country/malaysia>

<http://data.worldbank.org/country/philippines>

<http://data.worldbank.org/country/vietnam>

[http://vi.wikipedia.org/wiki/N%C6%B0%E1%BB%9Bc\\_c%C3%B4ng\\_nghi%E1%BB%87p\\_m%E1%BB%9Bi#cite\\_note-Limits-2](http://vi.wikipedia.org/wiki/N%C6%B0%E1%BB%9Bc_c%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_m%E1%BB%9Bi#cite_note-Limits-2)